

**QUY CH N IB V QU NTR CÔNG TY
C A CÔNG TY C PH N A C FIRST REAL**

(c i h i ng c ông th ng niên n m 2019 c a Công ty CP a c FIRST REAL thông qua theo Ngh quy t s/2019/FIR/NQ- H C ngày 29 tháng 03 n m 2019)

**CH NG I
QUY NH CHUNG**

i u 1. Ph m vi i u ch nh

1. Quy ch n i b v qu n tr (sau ây g i t t là “Quy Ch Qu n Tr” ho c “Quy Ch ”) Công ty CP a c FIRST REAL (“FIRST REAL”) c xây d ng và ban hành nh m m b o cho FIRST REAL c qu n lý i u hành và ki m soát theo nh ng nguyên t c c b n v qu n tr công ty i chúng, g m: m b o c c u qu n tr h p lý; m b o hi u qu ho t ng c a H i ng qu n tr (“H QT”), Ban ki m soát, Ban T ng Giám c; m b o quy n l i c a c ông và nh ng ng i có liên quan; m b o i x công b ng gi a các c ông; công khai minh b ch m i ho t ng c a Công Ty.

2. Quy Ch Qu n Tr c xây d ng theo các quy nh c a Lu t Doanh Nghi p s 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Lu t S a i, B sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán s 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Ngh nh s 71/2017/N -CP ngày 06/6/2017 c a Chính ph h ng d n v qu n tr công ty áp d ng i v i Công ty i chúng, Thông t s 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 c a B Tài chính và i u L Công Ty.

3. Quy Ch Qu n Tr quy nh các v n liên quan n qu n tr Công ty CP a c FIRST REAL, bao g m: i h i ng c ông (“ H C ”), H QT, Ban ki m soát, Ban T ng giám c, giao d ch v i ng i có liên quan, báo cáo và công b thông tin, và các n i dung khác có liên quan.

i u 2. Gi i thích thu t ng

1. Trong Quy ch này, các t ng d i ây c hi u nh sau:

“ i u L ” c hi u là i u L t ch c và ho t ng c a Công ty CP a c FIRST REAL c H C thông qua;

“Công Ty” c hi u là Công ty C ph n a c FIRST REAL.

“ H C ” có ngh a là i h i ng c ông c a Công ty.

“H QT” có ngh a là H i ng qu n tr c a Công ty.

“BKS” có ngh a là Ban Ki m soát c a Công ty

“C ông l n” là c ông c quy nh t i kho n 9 i u 6 Lu t Ch ng khoán.

“Cán B Qu n Lý” có ngh a là T ng Giám c (“TG ”) và các Phó T ng Giám c (“PTG ”) K Toán Tr ng và các nhân s khác c H QT phê chu n là ng i i u hành c a Công Ty.

“**Ng i Qu n Lý**” có nghĩa là các cán b gi các v trí Ch t ch H QT, thành viên H QT, TG Đ và các v trí qu n lý khác trong Công Ty c H QT y quyền tham gia các giao d ch d i danh nghĩa c a Công Ty.

“**Ng i Có Liên Quan**” là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 c a Lu t Doanh Nghi p và Kho n 34 i u 6 c a Lu t Ch ng khoán.

2. Trong Quy Ch này, các quy nh tham chi u t i b t k i u kho n ho c v n b n nào khác s c hi u là quy nh tham chi u t i t c các s a i, b sung ho c thay th c a i u kho n ho c v n b n ó. Trong Quy Ch này các tham chi u t i m t ho c m t s i u kho n ho c v n b n Pháp Lu t s bao g m c nh ng s a i b sung ho c v n b n thay th các v n b n ó. Các thu t ng c vi t hoa nh ng không c nh nghĩa t i Quy Ch này có nghĩa nh c quy nh t i iêu L .

CH NG II

C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 3. Quy n và nghĩa v c a c ông

1. Công có y các quy n và nghĩa v theo quy nh c a Lu t Doanh Nghi p, Lu t Ch ng Khoán và i u L Công Ty, ngoài ra c ông Công ty có các quy n sau ây:

- Quy n t do chuy n nh ng C Ph n ã c thanh toán y và c ghi trong S ng ký Công c a Công ty, tr m t s tr ng h p b h n ch chuy n nh ng theo quy nh c a Pháp Lu t, i u L và các ngh quy t c a H C ;
- Quy n c i x công b ng. M i C Ph n c a cùng m t lo i u t o cho c ông s h u các quy n, nghĩa v và l i ích ngang nhau. Tr ng h p Công Ty có các lo i c ph n u ãi, các quy n và nghĩa v g n li n v i các lo i C Ph n u ãi ph i c H C thông qua và công b y cho c ông;
- Quy n c ti p c n y thông tin nh k và thông tin b t th ng v ho t ng c a Công Ty do Công Ty công b theo quy nh c a Pháp Lu t.
- Quy n và trách nhi m tham gia các cu c h p H C và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p ho c thông qua i Di n Theo y Quy n ho c th c hi n b phi u t xa (n u có áp d ng);
- Quy n c u tiên mua C Ph n m i chào bán t ng ng v i t l s h u C Ph n trong Công Ty

2. Công có quy n b o v các quy n l i h p pháp c a mình. Trong tr ng h p quy t nh c a H C , quy t nh c a H QT thông qua trái v i quy nh c a Pháp Lu t, i u L Công Ty ho c vi ph m nh ng quy n l i c b n c a Công ho c Công Ty, c ông có quy n ngh h y ho c ình ch quy t nh ó theo quy nh c a Lu t Doanh Nghi p.

3. Công L n không c l i d ng u th c a mình gây nh h ng n các quy n, l i ích c a công ty và c a các c ông khác theo quy nh c a Pháp Lu t và i u L Công Ty. Công L n có nghĩa v công b thông tin theo quy nh c a Pháp Lu t.

i u 4. Cu c h p H C

1. Hàng n m, Công Ty s tri u t p và t ch c cu c h p H C th ng niên theo quy nh c a Lu t Doanh Nghi p và i u L . Ngoài cu c h p th ng niên, H C c a Công Ty

có thể hình thành theo quy định của HQT hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật để hình thành phần trực tiếp hoặc lý lý kiến Công bằng và bền.

2. Công Ty quy định trong Điều lệ và/hoặc quy chế nội bộ trình bày, thủ tục trực tiếp và bí quyết tài chính gồm các nội dung chính sau:

- a) Thông báo về việc chốt danh sách Công đồng có quyền tham dự họp Hội đồng;
- b) Thông báo trực tiếp Hội đồng;
- c) Cách thức đăng ký tham dự họp Hội đồng;
- d) Cách thức bí quyết và thông báo kết quả bí quyết;
- e) Cách thức phân tích Nghị quyết của Hội đồng;
- f) Lập Biên bản họp Hội đồng;
- g) Thông báo các Nghị quyết Hội đồng ra công chúng;
- h) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Danh sách Công đồng có quyền tham dự họp Hội đồng công lập không sớm hơn 05 (05) ngày trước ngày gọi họp Hội đồng. Công Ty báo cáo VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách Công đồng có quyền tham dự họp Hội đồng CP tại thị trường hai mức (20) ngày trước ngày ký cuối cùng.

4. Thông báo họp Hội đồng công bố cho tất cả các Công đồng trong danh sách Công đồng có quyền tham dự họp Hội đồng đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên Website của Công ty. Thông báo họp Hội đồng phải công bố ít nhất 10 (10) ngày trước ngày khai mạc họp Hội đồng (tính từ ngày mà thông báo công bố chuyên nghiệp bắt đầu, trừ các phí hoặc các báo vào hôm đó). Chương trình họp Hội đồng, các tài liệu liên quan đến các vấn đề bí quyết tài chính Hội đồng công bố cho các Công đồng trong danh sách Công đồng có quyền tham dự họp Hội đồng hoặc đăng tải trên Website của Công Ty (nếu có). Trong trường hợp tài liệu không công bố kèm thông báo họp Hội đồng, thông báo mời họp phải nêu rõ trên Website các Công đồng có thể tiếp cận.

5. Cách thức đăng ký tham dự họp Hội đồng:

- a) Công đồng có thể xác nhận việc tham dự họp Hội đồng theo một trong các cách thức sau: (i) Gọi điện xác nhận tham dự họp Hội đồng của Công Ty; (ii) Xác nhận việc đăng ký bằng tên trong thông báo mời họp là người thay mặt Công Ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp Hội đồng qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax nếu cần thì thông báo mời họp;
- b) Nếu Công đồng không thể tham dự họp Hội đồng thì có thể ủy quyền cho người đi nhận của mình tham dự họp Hội đồng theo quy định của Điều lệ. Việc ủy quyền cho người đi nhận tham dự họp Hội đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty đăng tải trên Website của Công Ty hoặc kèm thông báo mời họp. Người ủy quyền dự họp Hội đồng phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công Ty trước khi vào phòng họp;
- c) Vào ngày tổ chức họp Hội đồng, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Công đồng cho các Công đồng có quyền dự họp có mặt;

d) Công nhân tham dự họp Hội Công nhân có quyền ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Hội Công nhân. Chết không có trách nhiệm dấn thân cho Công nhân mà ký và hiểu lầm các biểu quyết đã tiến hành trước khi Công nhân mà tham dự không biết hết.

6. Cách thức biểu quyết:

a) Khi tiến hành ký Công nhân, Công Ty chấp nhận Công nhân, là Di n Theo y Quy n ho c Ng i c y Quy n D H p c a Công nhân có quyền biểu quyết tại phi u biểu quyết trên đó có ghi số ký, họ và tên của Công nhân, họ và tên là Di n Theo y Quy n ho c Ng i c y Quy n D H p và số phi u biểu quyết của Công nhân. Tất cả Công nhân đã làm thủ tục ký tham dự quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Hội Công nhân.

b) Cách thức biểu quyết:

Việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp Hội Công nhân sẽ thực hiện theo các quy định sau:

i. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

Các nội dung biểu quyết được ghi trong phi u biểu quyết của Công nhân, là Di n Theo y Quy n ho c Ng i c y Quy n D H p biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

ii. Các Công nhân bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiểu lầm của Chết hoặc chấp nhận hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Công nhân, là Di n Theo y Quy n ho c Ng i c y Quy n D H p cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ khi bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời gian nào trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ niêm phong và Ban kiểm phiếu tiến hành việc kiểm phiếu biểu quyết ngay sau đó.

c) Cách thức kiểm phiếu biểu quyết:

Việc kiểm phiếu biểu quyết thực hiện theo các phương thức sau đây:

i. Kiểm phiếu biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó kiểm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng là tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

ii. Bằng việc sử dụng phần mềm máy tính và phương tiện công nghệ, kết quả;

iii. Phương thức khác của Hội Công nhân thông qua.

d) Thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết:

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết tổng hợp làm việc của Hội Công nhân và Trưởng ban kiểm phiếu sẽ tiến hành ngay sau khi việc kiểm phiếu kết thúc.

e) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội QT, thành viên BKS thực hiện theo phương thức bầu cử thông qua phi u hoặc bỏ phiếu tùy theo các Nghị quyết hoặc quy định của Hội Công nhân phê duyệt tại tổng thể. Trong trường hợp bầu thành viên Hội QT, BKS theo phương thức bỏ phiếu, việc bầu cử thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- i. M i C ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s C Ph n s h u nhân (x) v i s thành viên c b u c a H QT ho c BKS. C ông có quy n d n h t t ng s phi u b u c a mình cho m t (01) ho c m t s ng c viên;
- ii. Ng i tr úng c thành viên H QT ho c thành viên BKS c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên c n b u. Tr ng h p có t hai (02) ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên c n b u cu i cùng, H C s ti n hành b u ti p trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c quy t nh l a ch n theo tiêu chí quy nh t i quy ch b u c c H C phê duy t theo t ng th i k (n u có).

7. H QT ho c ng i tri u t p h p H C s p x p ch ng trình ngh s c a H C m t cách h p lý, b trí th i gian h p lý th o lu n và bi u quy t t ng v n trong ch ng trình h p H C . Trình t , th t c p h n i quy t nh c a H C , l p biên b n h p H C và công b Ngh quy t H C c quy nh t i i u L Công Ty.

8. Tùy theo t ng i u ki n c th c a m i cu c h p H C , H QT Công ty có th quy t nh áp d ng các công ngh thông tin hi n i c ông có th tham d và phát bi u ý ki n t i cu c h p H C . Trong tr ng h p này, vi c bi u quy t thông qua h p H C tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác c th c hi n theo quy nh t i i u 140 Lu t Doanh Nghi p và i u L Công Ty.

9. Các nguyên t c, trình t , th t c l y ý ki n C ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a H C c quy nh t i i u L Công Ty.

i u 5. Báo cáo c a H QT và BKS t i cu c h p H C th ng niên

1. Báo cáo ho t ng c a H QT trình H C th ng niên theo quy nh t i i m e kho n 2 i u 136 Lu t Doanh Nghi p và i u L , ngoài ra ph i m b o có các n i dung sau:

- a) Thù lao, chi phí ho t ng và các l i ích khác c a H QT và t ng thành viên H QT theo quy nh t i kho n 3 i u 158 Lu t Doanh Nghi p và i u L ;
- b) T ng k t các cu c h p c a H QT và các ngh quy t, quy t nh c a H QT;
- c) K t qu ánh giá c a thành viên c l p H QT v ho t ng c a H QT (n u có);
- d) Ho t ng c a các ti u ban thu c HDQT (n u có);
- e) K t qu giám sát các ho t ng c a TG ;
- f) K t qu giám sát các ho t ng c a Cán B Qu n Lý khác;
- g) Các k ho ch trong t ng lai.

2. Báo cáo ho t ng c a BKS trình H C th ng niên theo quy nh t i i m i m kho n 2 i u 136 Lu t Doanh Nghi p, ngoài ra ph i m b o có các n i dung sau:

- a) Thù lao, chi phí ho t ng và các l i ích khác c a BKS và t ng Ki m soát viên theo quy nh t i kho n 3 i u 167 Lu t Doanh Nghi p và i u L ;
- b) T ng k t các cu c h p c a BKS và các k t lu n, ki n ngh c a BKS;
- c) K t qu giám sát tình hình ho t ng và tài chính c a Công Ty;
- d) K t qu giám sát i v i H QT, TGD và các Cán B Qu n Lý khác;

- e) Kiểm tra đánh giá sơ bộ hồ sơ tài liệu BKS và HQT, TG và các Công đồng.

CHƯƠNG III

HÌNH QUẢN TRỊ

Điều 6. Thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT công bố tại thời điểm (10) ngày trước ngày khai mạc họp HĐQT trên Website của Công ty. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cần trù và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT công bố tại thời điểm bao gồm:

-) Họ tên, ngày tháng năm sinh;
-) Trình độ chuyên môn;
-) Quá trình công tác;
-) Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị và các chức danh Quản lý khác; và
-) Các lợi ích có liên quan tới Công Ty (nếu có).

2. Công đồng hoặc nhóm Công đồng nắm giữ Chức vụ có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng tính từ thời điểm chốt danh sách Công đồng dự kiến có quyền bầu ứng viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công Ty.

3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua các và ứng viên không số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT ứng nhiệm có thể bổ sung thêm (các) ứng viên tại cuộc họp HĐQT. Việc bổ sung thêm ứng viên phải được HĐQT ứng nhiệm quyết định theo nguyên tắc đã thông qua tại cuộc họp HĐQT và công bố rõ ràng trước khi HĐQT biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 7. Thành phần HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT của Công ty ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các ứng viên HĐQT cần nắm bắt cơ sở cần thiết để giải thích các thành viên có kinh nghiệm và kinh nghiệm về Pháp Luật, tài chính, Bất động sản.

2. Các ứng viên hội đồng quản trị của công ty và chúng ta nắm bắt cơ sở cần thiết để giải thích các thành viên hội đồng hành và các thành viên không hội đồng hành. Tại thời điểm 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không hội đồng hành.

3. Trong trường hợp số thành viên HĐQT bằng quá một phần ba (1/3) số vị trí thành viên HĐQT liên tục quy định tại Điều lệ, phải làm tròn tới số nguyên gần nhất. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 30 ngày, kết thúc ngày số thành viên bằng quá một phần ba bổ sung thành viên HĐQT.

4. Trong trường hợp một thành viên bất kỳ của HĐQT bất kỳ một cách thành viên theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ, bất kỳ cách nào, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có quyền bổ nhiệm người khác thay thế làm thành

viên HĐQT theo quy định của Luật Công Ty. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế phải được Hội đồng Giám đốc.

Điều 8. Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật và Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

2. Thành viên HĐQT có quyền các quy định theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản Pháp luật liên quan và Điều lệ, đặc biệt là quyền cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và các nhân viên trong Công Ty.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

- a) Tuân thủ và thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản Pháp luật liên quan;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của công ty và của Công ty;
- c) Tham dự các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề cần thảo luận;
- d) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đi làm phần vốn góp của Công ty;
- e) Báo cáo Ủy ban Kiểm soát Nhà nước, Ủy ban Giám sát và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch có liên quan của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT

Hội đồng Quản trị có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công Ty, trong đó bao gồm:

- a) Chỉ định, bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng Giám đốc và việc ủy quyền, thay thế bổ nhiệm và miễn nhiệm của Công Ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thực tế hoạt động;
- b) Chào bán và/hoặc phát hành Cổ phiếu mới hoặc các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hay hoán đổi thành Cổ phiếu của Công Ty trong phạm vi số Cổ phiếu được quyền chào bán của công ty theo quy định của Điều lệ;
- c) Phát hành và chào bán các loại trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định của Điều lệ này, Pháp luật, cũng như theo quy định khác của Điều lệ;
- d) Huy động và sử dụng các hình thức khác phù hợp với quy định của Pháp luật;
- e) Giá chào bán của công ty Cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
- f) Mua lại không quá một phần trăm (10%) tổng số Cổ phiếu của công ty chào bán trong 12 tháng;
- g) Ủy thác hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng, giao dịch với các cá nhân có liên quan như quy định của Điều lệ 162 của Luật Doanh Nghiệp có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính kế toán gần nhất của Công Ty;
- h) Giám sát và phát triển chiến lược, tài chính và công nghệ;

i) Thông qua hình thức mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bất động sản và các hình thức khác có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính kế toán gần nhất của Công Ty, trừ các hình thức mua, bán, giao dịch quy định tại khoản 28.3.vii nêu trên và thu nhập quy định của HĐQT;

j) Bộ phận nhân sự, bộ phận Chăm sóc Khách hàng; bộ phận nhân sự, kế toán, hình thức mua, bán bất động sản, Giám đốc điều hành Văn phòng; Giám đốc Tài chính; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác mà HĐQT xét thấy cần thiết;

k) Các cuộc họp, quy định quản lý nội bộ của Công Ty hoặc/và phân công, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Điều hành Doanh Nghiệp khác quy định;

l) Thành lập Công Ty Con và quy định các vấn đề có liên quan; quy định các giao dịch của Công Ty Con do Công Ty là Chủ sở hữu hoặc kiểm soát;

m) Lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quy định các vấn đề liên quan;

n) Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác hoặc/và phân công, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Điều hành Doanh Nghiệp khác quy định;

o) Công bố đại diện theo ủy quyền thành viên quy định của pháp nhân hoặc pháp nhân góp doanh nghiệp khác, quy định mức thù lao và lợi ích khác của nhà quản lý hoặc/và phân công, giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Điều hành Doanh Nghiệp khác quy định;

p) Duy trì quá trình, nội dung tài liệu pháp lý của HĐQT, trụ sở pháp lý của Công ty ký kết của HĐQT thông qua quy định hoặc/và phân công giao cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Điều hành Doanh Nghiệp quy định;

q) Trình báo cáo quy định tài chính hàng năm lên HĐQT;

r) Xu hướng tăng trưởng; xác định mục tiêu kinh doanh; tổ chức việc chi trả cổ tức; quy định thị trường và thị trường cổ phiếu hoặc xu hướng phát sinh trong quá trình kinh doanh;

s) Xu hướng thị trường, giá thị trường yêu cầu pháp nhân Công Ty;

t) Nhà giá trị sản phẩm đóng góp vào Công Ty không phải liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm cổ phiếu, quy định nợ, quy định đầu tư, công nghệ và bí quyết công nghệ;

u) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và trách nhiệm của mình;

v) Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ và/hoặc quy định của HĐQT Công ty.

Điều 10. Chức vụ HĐQT

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất một lần quý 01 lần theo trình tự quy định tại Điều lệ. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của Pháp Luật và Điều lệ.

2. Biên bản họp HĐQT phải lập chi tiết và rõ ràng, chính xác và ngắn gọn ghi biên bản phải ký tên vào biên bản họp. Biên bản họp HĐQT trình lập lưu giữ theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ.

Điều 11. Các tiêu chuẩn thu nhập HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiêu chuẩn thu nhập trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, công nghệ và các vấn đề khác. Số lượng thành viên của các tiêu chuẩn khác

(n u có) do H i ng qu n tr quy t nh. Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr .

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u L Công ty.

3. Trong tr ng h p không thành l p các ti u ban nhân s , ti u ban l ng th ng, H QT có th phân công thành viên c l p H QT giúp H QT trong các ho t ng nhân s , l ng th ng.

4. H QT quy nh chi ti t v vi c thành l p ti u ban, trách nhi m c a t ng ti u ban, trách nhi m c a thành viên c a ti u ban ho c trách nhi m c a thành viên c l p H QT c c ph trách v nhân s , l ng th ng khi H QT quy t nh chính th c thành l p các ti u ban.

i u 12. Ng i ph trách qu n tr Công Ty

1. H QT ph i b nhi m ít nh t 01 ng i làm các nhi m v c a ng i ph trách qu n tr Công Ty (“**Ng i Ph Trách Qu n Tr**”). Ng i Ph Trách Qu n Tr có th kiêm nhi m làm th ký c a Công Ty theo quy nh t i kho n 5 i u 152 Lu t Doanh Nghi p.

2. Ng i Ph Trách Qu n Tr ph i là ng i có hi u bi t v Pháp Lu t, không c ng th i làm vi c cho công ty ki m toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công Ty.

3. Ng i Ph Trách Qu n Tr có quy n và ngh a v sau:

- a) T v n H QT trong vi c t ch c h p H CP theo quy nh và các công vi c liên .
- b) quan gi a Công Ty và C ông;
- c) Chu n b các cu c h p H QT, BKS và H C theo yêu c u c a H QT ho c BKS;
- d) T v n v các th t c c a cu c h p;
- e) Tham d các cu c h p;
- f) T v n th t c l p các Ngh quy t c a H QT phù h p v i pháp lu t;
- g) Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H QT, và các thông tin khác cho các thành viên H QT và BKS;
- h) Giám sát và báo cáo H QT v ho t ng công b thông tin c a Công ty;
- i) B o m t thông tin theo các quy nh c a Pháp lu t và i u L ;
- j) Các Quy n và Ngh a v khác theo quy nh c a Pháp lu t và i u L .

CH NG IV BAN KI M SOÁT

i u 13. Ki m soát viên

1. S l ng Ki m soát viên (“KSV”) là 03 ng i. KSV có th không ph i là C ông c a Công ty.

2. Ki m soát viên ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 1 i u 164 Lu t Doanh Nghi p, i u L và không thu c các tr ng h p sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán để lập thể hiện kế toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liên tiếp.
3. Kế toán viên phải là kiêm toán viên hoặc kế toán viên.
 4. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiêm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty.

Điều 14. Chức năng của Kế toán viên

1. Việc chức năng của Kế toán viên được thể hiện theo quy định tại Điều L Công Ty.
2. Trưởng hợp suất lập các ngân viên Ban kế toán thông qua và chức năng không suất lập ngân viên, Ban kế toán ngân viên có thể bổ sung ngân viên.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Kế toán viên

1. Kế toán viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều L Công Ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kế toán viên.
2. Kế toán viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Điều L Công Ty và các quy định trong thể hiện các quy định và nghĩa vụ giao.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Ban kế toán

BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh Nghiệp và Điều L, ngoài ra BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Xuất và kiến nghị HĐQT phê duyệt chức năng kế toán để lập thể hiện kế toán báo cáo tài chính của Công ty;
2. Chịu trách nhiệm trực tiếp công việc hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Cán Bộ Quản Lý, Cán Bộ Quản Lý khác, sự hình thành hoạt động của BKS và HĐQT, Cán Bộ Quản Lý và Công đồng;
4. Trưởng hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều L của thành viên HĐQT, Cán Bộ Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo HĐQT theo quy định tại Điều 5.2 Quy chế này

Điều 17. Cấu thành của Ban kế toán

1. Ban kế toán phải có ít nhất 02 thành viên trong đó có ít nhất 2/3 số Kế toán viên. Biên bản họp Ban kế toán để lập chi tiết và rõ ràng. Thủ ký và các Kế toán viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cấu thành. Các biên bản cấu thành của Ban kế toán phải có sự đồng ý của các thành viên Ban kế toán.
2. Ban kế toán có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Cán Bộ Quản Lý và người điều hành công ty kế toán để lập tham dự và trình các vấn đề mà các Kế toán viên quan tâm.

CH NG V

CH T CH H QT, PHÓ CH T CH H QT, BAN T NG GIÁM C i u 18. Quy n h n và nhi m v c a Ch t ch H QT, Phó ch t ch H QT

1. H QT s l a ch n ra trong s các thành viên c a mình b u ra m t Ch t ch và Ch t ch H QT s l a ch n ra trong s các thành viên H QT m t s Phó Ch t ch (n u th y c n thi t).

2. Ch t ch H QT có các quy n h n và nhi m v sau ây:

- a. L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H QT. Lãnh o và m b o s ho t ng có hi u qu c a H QT;
- b. Chu n b ch ng trình, n i dung, các tài li u ph c v cu c h p; tri u t p và ch t a cu c h p H QT;
- c. T ch c vi c thông qua quy t nh c a H QT;
- d. Giám sát quá trình t ch c th c hi n các quy t nh c a H QT;
- e. Tri u t p và ch t a các cu c h p H C ; thay m t H C ký các Ngh quy t ã c H C thông qua;
- f. Xây d ng, th c hi n và rà soát các th t c chi phi ho t ng c a H QT;
- g. T o i u ki n thu n l i các thành viên H QT không i u hành/ c l p ho t ng m t cách có hi u qu và thi t l p m i quan h có tính ch t xây d ng gi a các thành viên i u hành và nh ng thành viên không i u hành trong H QT;
- h. Th c hi n các quy n v i t cách là ng i i di n theo Pháp Lu t và thành viên Ban t ng giám c Công ty, bao g m:
 - Quy t nh và i di n Công ty ký k t các v n b n, h p ng, giao d ch (mua, bán, vay, cho vay, u t và các h p ng/giao d ch khác) c a Công ty i v i t t c các h p ng, giao d ch có giá tr đ i 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty theo Báo cáo tài chính quý g n nh t;
 - i u hành Ban t ng giám c trong vi c: t ch c th c hi n các ngh quy t c a H QT và/ho c H C ; t ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H QT và/ho c H C thông qua;
 - Quy t nh các v n liên quan n ho t ng và công vi c kinh doanh c a Công ty, bao g m vi c thay m t Công ty ký k t các v n b n, h p ng v i các t ch c, cá nhân;
 - Quy t nh v m c l ng, thù lao, các l i ích khác và các i u kho n c a h p ng lao ng i v i ch c danh qu n lý quy nh t i i u 9.j Quy ch này. B nhi m, mi n nhi m, cách ch c các ch c danh qu n lý quy nh t i i u 9.j Quy ch này;
 - i u hành Ban T ng giám c t ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c H C và/ho c H QT thông qua;
 - Phê duy t xu t c a các thành viên Ban T ng giám c v nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

- Thay mặt HĐQT quy định hoặc phê duyệt xuất các thành viên Ban Kiểm soát và các phòng ban các chức danh, hoặc ban hành Quy chế Quản lý Nhân sự Công ty;
 - Thể hiện vai trò là chủ tài khoản/ người đi ngân hàng tài khoản và các tài khoản của Công ty mặt các tổ chức tín dụng.
- i. Thể hiện các quy định, nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ, nghị quyết của HĐQT và/hoặc Nghị quyết của HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.
3. Phó Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ và quy định như sau đây:
- a. Giám sát, kiểm tra các thành viên Ban Kiểm soát và người quản lý khác trong nội bộ hành công việc liên quan đến các hoạt động quản trị nhân sự và kiểm soát tuân thủ;
 - b. Điều hành và/hoặc tham gia vào việc điều hành hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - c. Thay mặt Chủ tịch HĐQT thể hiện các công việc thuộc quy định/nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian Chủ tịch HĐQT vắng mặt.

Điều 19. Ban Kiểm soát, phân quyền điều hành của thành viên Ban Kiểm soát

1. Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành Văn phòng; Giám đốc Tài chính; Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.

2. Chủ tịch HĐQT là người đứng đầu, chịu trách nhiệm chung về việc thực hiện các hoạt động của Ban Kiểm soát và quản lý điều hành mặt hoạt động của Công ty. Chủ tịch HĐQT trực tiếp quản lý điều hành và các lĩnh vực hoạt động của phân quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát.

3. Tổng Giám đốc là người đi ngân hàng theo Pháp Luật của Công ty và là người ký các hợp đồng trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Kiểm toán Nhà nước. Tổng Giám đốc có quyền và trách nhiệm quản lý điều hành các lĩnh vực hoạt động sau đây của Công ty:

-) Hoạt động quan hệ đối ngoại của Công ty với Cơ quan quản lý Nhà nước và phát triển quan hệ đối tác hợp tác kinh doanh;
-) Hoạt động mua bán hàng hóa;
-) Điều hành Ban Kiểm soát trình hoặc báo cáo trực tiếp HĐQT và/hoặc HĐQT về việc các hoạt động nên thì tiếp nhận tên Tổng Giám đốc;
-) Hoạt động khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

4. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm trực tiếp quản lý điều hành các lĩnh vực hoạt động sau đây:

-) Thể hiện kiểm tra, giám sát quản lý tài chính mặt các bộ phận;
-) Kiểm soát thể hiện ngân sách và chi phí hoạt động của Công ty;
-) Tổ chức hoạt động hạch toán kế toán của toàn Công ty;

J) Tổ chức thể hiện vì lợi ích báo cáo ph cấp các mức khác nhau của công ty (bao gồm báo cáo kế toán tài chính, báo cáo thu và kế toán, báo cáo quản trị và các báo cáo số liệu hỗ trợ cho hoạt động giám sát vận hành và kinh doanh; báo cáo cần báo lên Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT hoặc khi có yêu cầu của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, HĐQT;

J) Hoạt động khác theo sơ phân công của Chủ tịch HĐQT.

5. Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm cụ thể theo quy định phân quyền của Chủ tịch HĐQT.

6. Khi thể hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong các lĩnh vực hoạt động được phân quyền quản lý cụ thể hành thì các thành viên Ban Tổng Giám đốc cấp lợi thể hiện vì lợi ích quản lý cụ thể hành hoạt động thu cấp lĩnh vực mà mình được phân quyền.

Mỗi thành viên Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo/thông tin kịp thời Chủ tịch HĐQT về các công việc mà mình quản lý cụ thể hành. Ngoài Chủ tịch HĐQT, các thành viên Ban Tổng Giám đốc không được can thiệp, can thiệp làm ảnh hưởng các công việc thu cấp lĩnh vực hoạt động do thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc quản lý cụ thể hành.

9. Chủ tịch HĐQT cụ thể theo các điều kiện và hoàn cảnh có thể quy định thay đổi và/hoặc phân công lại lĩnh vực hoạt động quản lý cụ thể hành của các thành viên Ban Tổng Giám đốc.

Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều L Công Ty và quy định cụ thể như sau:

- a. Xây dựng và trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty cho HĐQT và báo cáo HĐQT; Tổ chức thể hiện các quy định của HĐQT và HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch xuất của Công Ty được phê duyệt bởi HĐQT hoặc HĐQT;
- b. Điều hành và quy định các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Mọi hoạt động sản xuất coi là hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty nếu như hoạt động đó không thu cấp theo quy định của HĐQT hoặc HĐQT;
- c. Quy định các hình thức mua, bán, vay, cho vay, hình thức thanh toán, dân sự, tài chính, chứng khoán, thương mại, bảo lãnh, giao dịch báo cáo báo cáo và hình thức khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, trừ các hình thức giao dịch quy định tại Điều 9.g và thu cấp theo quy định của HĐQT/HQĐT;
- d. Quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc các công ty con, Trưởng Chi nhánh/Vận phòng điều hành của Công ty và các chức danh quản lý khác, trừ các chức danh thu cấp theo quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT;
- e. Quy định lương và phúc lợi (nếu có) với người lao động trong công ty, kể cả các chức danh thu cấp theo quy định bổ nhiệm của HĐQT;
- f. Quy định tuyển dụng lao động;
- g. Xuất các biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công Ty;

- h. Các quy định cho cấp dưới và người khác thể hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm thực pháp luật và thực hiện QT vì các quy định đó;
- i. Trong thời gian sản xuất có thể, thực hiện hợp đồng kinh doanh hàng năm, TG trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu ngân sách phù hợp với kế hoạch tài chính năm nay;
- j. Thể hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định của Luật, nghị quyết của HĐQT, nghị quyết của HĐQT, quy định hoặc phân công của HĐQT, hợp đồng lao động của TG và Pháp luật; và
- k. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, của Luật, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ của Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có các nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- a. Thể hiện các nghị quyết của HĐQT và/hoặc HĐQT; thể hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động mà mình quản lý về hành vi của HĐQT và/hoặc HĐQT thông qua.
- b. Xuất phát từ các quyết định, kế hoạch ban hành quy định quản lý nội bộ Công ty trong lĩnh vực hoạt động mà mình quản lý về hành vi;
- c. Xuất sắc lao động, mẫn cảm, trung thực, liêm chính, dũng cảm, tận tâm và các tiêu chuẩn khác liên quan đến hợp đồng lao động của các danh quản lý và người lao động khác trong lĩnh vực hoạt động mà mình quản lý về hành vi.
- d. Xuất hiện và áp dụng pháp luật nâng cao hoạt động giám sát tài chính và quản lý kinh doanh của Công ty;
- e. Cùng với các thành viên khác của Ban kiểm soát chọn các bộ phận toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là Bộ phận toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bộ phận toán hàng năm (bao gồm cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ trình HĐQT thông qua và phải báo cáo những thông tin quy định tại các quy định của Công ty. Về nội dung này thì Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm các công việc.
- f. Tham gia cùng Ban kiểm soát trong việc kiểm tra, giám sát và đánh giá, thực hiện các công việc trong kinh doanh.
- g. Tham gia cùng Bộ phận kế toán nội bộ hỗ trợ xây dựng các chỉ tiêu kinh tế và công nghệ của Công ty.

Điều 22. Các bộ phận quản lý do HĐQT, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc phê duyệt

1. Các bộ phận quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT bao gồm: Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành Văn phòng; Giám đốc Tài chính; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác.

2. Mọi công, tiền thù lao, lợi ích và các chi phí khác trong hợp đồng lao động và các danh mục lý do HĐQT, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm sau do Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT quyết định trên cơ sở ý kiến xuất của Giám đốc nhân sự và/hoặc thành viên Ban Kiểm soát theo từng danh sách.

Điều 23. Thủ ký Công ty, Người ph trách qu n tr công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người ph trách qu n tr công ty. Người ph trách qu n tr công ty đồng thời kiêm nhiệm làm Thủ ký công ty theo quy định khoản 5 Điều 152 Luật Doanh Nghiệp và Điều L Công Ty.

2. Người ph trách qu n tr công ty phải là người có hiểu biết về Pháp Luật, không đồng thời làm việc cho công ty kế toán để lập báo cáo tài chính của công ty.

3. Người ph trách qu n tr công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều L Công Ty và Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG VI

NGUYÊN TẮC XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LIÊN QUAN TRONG CÔNG TY

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Người Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác.

1. Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Người Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản Pháp Luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Người Quản Lý, Cán Bộ Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan của cá nhân này không được sử dụng thông tin có liên quan của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Người Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên và những vị trí chính của nhân viên những Người Có Liên Quan của cá nhân đó theo quy định của Pháp Luật. Trong các giao dịch của các vị trí nêu trên do HĐQT hoặc HĐQT chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy định này theo quy định của Pháp Luật về kế toán và công bố thông tin.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về việc giao dịch mang lợi ích cho thành viên hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều L.

5. Thành viên HĐQT, KSV, Người Quản Lý, Cán Bộ Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan của cá nhân này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 25. Giao dịch với Người Có Liên Quan

1. Khi tiến hành giao dịch với Người Có Liên Quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa Người Có Liên Quan can thiệp vào hoạt động của Công Ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công Ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công Ty.

3. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa Công ông và nhân viên Người Có Liên Quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty.

Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản Pháp Luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng giám đốc và nhân viên có liên quan của các thành viên này không được sử dụng nội dung thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân hay phạm vi lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con với chính thành viên đó hoặc với nhân viên có liên quan của thành viên đó theo quy định của Pháp Luật.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về việc giao dịch mang lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều L Công Ty.

5. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng giám đốc và nhân viên có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 27. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa Công ông và nhân viên có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công Ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Thông tin và cách thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của Pháp Luật và Điều L.

2. Việc công bố thông tin sẽ thể hiện trên website của Công Ty và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Công đồng và nhà đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin và mô hình tổ chức quản lý Công Ty

1. Công Ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin và mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công Ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh Nghiệp.

2. Trong trường hợp Công Ty thay đổi mô hình hoạt động, Công Ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Hội đồng có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 30. Công bố thông tin và quản trị Công Ty

1. Công Ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty tại các kỳ Hội đồng thường niên và trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của Pháp Luật chứng khoán và công bố thông tin.

2. Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty theo quy định của Pháp Luật chứng khoán và công bố thông tin.

Điều 31. Trách nhiệm và báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, KSV, TG

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Quy chế này, thành viên HĐQT, KSV, TG có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Người Có Liên Quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Công đồng liên hệ.

Điều 32. Tổ chức công bố thông tin

1. Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công Ty theo quy định tại Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công Ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của Công Ty với công chúng đầu tư theo quy định của Pháp Luật và Điều L ;

a. Công khai tên, số điện thoại làm việc Công đồng liên hệ.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ÁNH GIÁ HÀNG NĂM HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KLUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 33. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS và Cán Bộ Quản Lý

1. Căn cứ vào nội quy của Công Ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công Ty và căn cứ theo kết quả đánh giá cá nhân về khen thưởng, kỷ luật của Công Ty, Công Ty sẽ

ti n hành khen th ng nh k ho c t xu t cho t p th và cá nhân thành viên H QT, Ki m soát viên, Cán B Qu n Lý và Ng i Qu n Lý khác có thành tích trong công tác qu n lý.

2. Khi phát sinh các s vi c sai ph m, vi ph m n i quy c a Công Ty, tùy theo m c vi ph m c a t ng cá nhân, h i ng khen th ng k lu t Công Ty xem xét hình th c k lu t và ban hành quy t nh k lu t.

i u 34. Giám sát

1. Công Ty, các cá nhân, t ch c liên quan và các C ông Công Ty ph i ch u s giám sát v qu n tr Công Ty c a y ban Ch ng khoán Nhà n c, S Giao D ch Ch ng Khoán và các c quan có thẩm quy n khác theo quy nh hi n hành c a Pháp Lu t.

2. Công Ty và các t ch c, cá nhân có liên quan có ngh a v cung c p k p th i, chính xác các thông tin, tài li u, d li u liên quan n ho t ng qu n tr Công Ty và gi i trình các s vi c liên quan theo yêu c u c a y ban Ch ng khoán Nhà n c.

i u 35. Hi u l c

Quy Ch này do H QT t ch c so n th o và trình H C thông qua, có hi u l c k t ngày ký.

H QT có trách nhi m c p nh t các thay i c a Pháp Lu t s a i, b sung t ng ng n i dung Quy Ch này cho phù h p. Tr ng h p có s mâu thu n gi a quy nh c a Quy ch và quy nh c a Pháp Lu t t ng ng, quy nh c a Pháp Lu t t ng ng s c u tiên áp d ng.

**TM. H I ÔNG QU N TR
CH T CH H QT**

(ã ký)

NGUY NHÀO HI P

Ghi chú: Tài li u này có th c s a i/b sung và trình H C xem xét quy t nh t i i h i